

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 95/2025/DS-ST

Ngày 31-3-2025

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay và hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Bà Đoàn Thị Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 624/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025, giữa đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trang Kim C, sinh năm: 1964.

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án: Chị Quách Kim Trang, sinh năm: 1995, (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 6, phường 1, thành phố C, tỉnh C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trang Thế Ngọc - Văn phòng Luật sư Lê Anh Tuấn – Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau, (có mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Văn D, sinh năm: 1960, (vắng mặt).

Bà Đặng Thanh N, sinh năm: 1961, (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Khoảng tháng 6/2020, (không nhớ rõ thời gian cụ thể) do có mối quan hệ họ hàng quen biết nên bà Trang Kim C có cho bà Đặng Thanh N vay tiền nhiều lần, không nhớ cụ thể số tiền của mỗi lần vay, khi vay không làm biên nhận, không thể chấp tài sản, không thỏa thuận lãi suất. Khi đưa tiền thì bà C đưa trực tiếp cho bà N, việc đưa tiền không có ai chứng kiến. Trong quá trình vay bà N không đóng lãi.

Đến ngày 30/10/2022, bà C và bà N tiến hành đối chiếu các khoản nợ. Theo đó, tổng số tiền bà N vay bà C tính đến ngày 30/10/2022 là 240.000.000 đồng và đôi bên làm lại biên nhận đề ngày 30/10/2022.

Ngoài ra, bà N còn nhờ bà C vô giùm cho bà 04 chung hụi, đã hốt với tổng số tiền là 75.000.000 đồng. Bà C đã giao toàn bộ số tiền trên cho bà N. Ngày 30/10/2022, bà N có làm biên nhận, thừa nhận số nợ trên.

Khi cho bà N vay tiền và chơi hụi giùm, bà C không có nói cho ông D biết. Tuy nhiên, sau khi bà N làm biên nhận, ông D biết được việc bà N vay tiền của bà C nên ông có đến gặp bà C để thỏa thuận và có hứa khi nào chuyển nhượng được nhà, đất sẽ cùng với bà N trả nợ cho bà C nhưng đến nay không thực hiện.

Do khi vay, tham gia chơi hụi, bà N với ông D còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân, bà N sử dụng số tiền trên vào mục đích chung trong gia đình, ông D biết bà N vay, chơi hụi giùm nên ông D phải có trách nhiệm thanh toán nợ cùng bà N. Tổng số tiền gốc ông D và bà N nợ của bà C tính đến ngày 30/10/2022 là 315.000.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện, bà C không đặt ra yêu cầu tính lãi nhưng tại phiên toà, bà C yêu cầu ông D và bà N trả lãi tính từ ngày 30/10/2022 đến ngày 30/10/2024, với lãi suất 1.66%/tháng bằng số tiền 125.496.000 đồng.

Nay bà C yêu cầu ông D và bà N có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền 440.496.000 đồng.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bà Đặng Thanh N trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên lúc đầu (bà không nhớ rõ thời gian) bà có vay của bà C số tiền 7.000.000 đồng, mỗi tháng đóng lãi 1.050.000 đồng, đóng lãi được khoảng gần một năm thì ngưng, số tiền đóng lãi bà không nhớ cụ thể, khi đóng lãi, bà giao tiền trực tiếp cho bà C, không làm biên nhận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà có nhờ bà C đứng ra chơi giùm một số chung hụi (bà không biết bà C vô hụi của ai), bà C hốt hụi, tiền hốt hụi sẽ được trừ vào số tiền lãi.

Sau khi hốt hụi, bà C có thông báo với bà là đã hốt và số tiền hốt được cũng bù vào số tiền vốn 7.000.000 đồng và lãi của số tiền trên nhưng không đủ.

Bà C tiếp tục tính lãi và đến ngày 30/10/2022 bà C đề nghị bà làm biên nhận cho bà C với số tiền vay là 240.000.000 đồng, số tiền hụi là 75.000.000 đồng. Do bà C có nói với bà nếu bà không làm biên nhận thì chồng bà C biết sự việc bà C cho bà vay tiền sẽ đánh bà C nên bà viết các biên nhận trên cho bà C.

Trong quá trình vay và nhờ tham gia chơi hụi, ông D không biết. Sau khi bà làm biên nhận trên thì ông D mới biết. Tại các biên nhận bà đã ký nhận nợ nên bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà C với tổng số tiền 315.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả nhiều lần vì trả một lần bà không có khả năng để trả.

Hiện tại, bà và ông D là vợ chồng, bà sử dụng số tiền vay và hụi vào mục đích chung trong gia đình. Tuy nhiên, do ông D không biết việc vay tiền nên ông D không liên quan gì đến khoản nợ trên.

Đối với ông Phạm Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông D đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Khi bà N vay tiền của bà C, giữa ông D và bà N là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên đề nghị Tòa án buộc ông D, bà N cùng có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 440.496.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phạm Văn D đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng các đương sự trên vắng mặt không rõ lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu ông Phạm Văn D và bà Đặng Thanh N trả tổng số tiền 315.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại biên nhận đề ngày 30/10/2022 thể hiện bà Đặng Thanh N có nợ bà Trang Kim C số tiền vay 240.000.000 đồng và nợ số tiền hui 75.000.000 đồng. Tại biên bản hoà giải ngày 21/11/2024 và tại phiên tòa, bà N cũng thừa nhận có nợ và đồng ý thanh toán cho bà C số tiền trên nhưng đề nghị được trả nhiều lần. Do đó, việc bà C khởi kiện yêu cầu bà N thanh toán tổng số tiền 315.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà C về việc yêu cầu tính lãi với tổng số tiền 125.496.000 đồng. Nhận thấy: Tại đơn khởi kiện, bà C không yêu cầu tính lãi nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu tính lãi. Xét yêu cầu tính lãi là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng không xem xét giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về trách nhiệm thanh toán nợ: Xét yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc ông D cùng có trách nhiệm thanh toán nợ, nhận thấy: Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ chứng minh thì “đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp...”

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông vắng mặt không rõ lý do và không gửi tài liệu, chứng cứ trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra, thời điểm bà N vay tiền, nợ tiền hui của bà C, đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Tại phiên tòa bà N xác định sử dụng số tiền trên vào mục đích sinh hoạt chung trong gia đình.

Với những phân tích trên, việc bà C yêu cầu ông D cùng có trách nhiệm thanh toán nợ với bà N là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà N là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên bà được miễn án phí theo quy định. Ông D là người cao tuổi

nhưng không có yêu cầu hoặc đơn miễn án phí nên ông phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 200, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 và 357 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trang Kim C.

Buộc ông Phạm Văn D, bà Đặng Thanh N có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trang Kim C tổng số tiền 315.000.000 đồng.

Kể từ ngày bà C có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông D, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, mức lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Phạm Văn D phải chịu 15.750.000 đồng (Chưa nộp). Bà Đặng Thanh N được miễn án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Thanh Quốc

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Quốc

